Bảng mã màu xám



Màu xám

#808080

Xám rất nhạt (gainsboro)
#DCDCDC
220, 220, 220

Xám nhạt (lightgray)
#D3D3D3
211, 211, 211

Ghi sáng
#C9CCCE
201, 204, 206



Bạc (silver)
#C0C0C0
192, 192, 192



Xám tro
#B2BEB5
178, 190, 181



Xám đậm vừa (darkgray)
#A9A9A9
169, 169, 169



Xám lông chuột
#8A8D8F
138, 141, 143



Xám xanh nhạt (lightslategray)
#778899
119, 136, 153



Xám (gray)
#808080
128, 128, 128



Xám ghi
#7D7F7D
125, 127, 125



Xám xanh (slategray)
#708090
112, 128, 144



Xám đậm (dimgray)
#696969
105, 105, 105



Xám xanh đậm (darkslategray)
#2F4F4F
47, 79, 79



Xám than
#36454F
54, 69, 79